

Bản án số: 39/2024/HS-ST

Ngày: 03 - 5 - 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Nhài.

- *Thẩm phán:* Ông Dương Văn Bản

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Đinh Thanh Hải

2. Ông Đặng Bắc

3. Bà Hà Thị Dung

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phan Khánh Tùng, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:*
Ông Hoàng Đại Nghĩa- Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 5 năm 2024, tại Hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 88/2023/TLST-HS ngày 17 tháng 11 năm 2023 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2024/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 02 năm 2024, đối với bị cáo:

Đoàn Anh T; tên gọi khác: Không, sinh ngày 16/8/1997 tại tỉnh Thái Nguyên; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Xóm M, xã C, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đoàn Hữu T1 và con bà: Đỗ Thị H; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/10/2022 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T. (Có mặt)

* *Người bào chữa cho bị cáo do Đoàn luật sư tỉnh T cử:* Luật sư Nguyễn Bùi H1, Văn phòng L4 - thuộc Đoàn luật sư tỉnh T - Có mặt.

Người bị hại:

1. Chị Dương Khánh L, sinh năm 1997 (Có mặt)

Trú tại: Xóm M, xã C, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên;

2. Anh Nguyễn Huy H2, sinh năm 1991 (Có mặt)

Trú tại: Tổ E, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên

3. Anh Nguyễn Quốc T2, sinh năm 1998 (Có mặt)

Trú tại: Thôn B, xã Đ, huyện T, tỉnh Hải Dương

* *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Trần Thị Hà M, sinh năm 2001 (Vắng mặt)
Trú tại: Xóm M, xã C, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.
 2. Bà Đỗ Thị H (tên gọi khác: N), sinh năm 1974 (Có mặt)
Trú tại: Xóm M, xã C, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên
- * Người làm chứng:*
1. Anh Đỗ Tùng L1, sinh năm 2003 (Vắng mặt)
Trú tại: Xóm M, xã C, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên;
 2. Anh Hoàng Văn T3, sinh năm 1989 (Vắng mặt)
Trú tại: Thôn N, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn;
 3. Anh Phan Quốc A, sinh năm 1981 (Vắng mặt)
Trú tại: Phường Đ, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên;
 4. Anh Trần Văn H3, sinh năm 1997 (Vắng mặt)
Trú tại: Xóm M, xã C, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên;
 5. Anh Ngô Hoàng Đ, sinh năm 1997 (Vắng mặt)
Trú tại: Tổ A, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên;
 6. Anh Phan Ngọc T4, sinh năm 1997 (Vắng mặt)
Trú tại: Tổ A, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên;
 7. Anh Vũ Đình D, sinh năm 1997 (Vắng mặt)
Trú tại: Tổ I, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên;
 8. Anh Phạm Thanh T5, sinh năm 1988 (Vắng mặt)
Trú tại: Tổ C, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên;
 9. Anh Phạm Văn H4, sinh năm 1993 (Vắng mặt)
Trú tại: Xóm M, xã C, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên;
 10. Anh Trương Quốc B, sinh năm 1994 (Vắng mặt)
Trú tại: Tổ A, phường H, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên;
 11. Chị Nguyễn Thị Thanh H5, sinh năm 1982 (Vắng mặt)
Trú tại: Tổ D, phường H, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên;
 12. Anh Lê Trung T6, sinh năm 1995 (Vắng mặt)
Trú tại: Xóm H, xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên;
 13. Anh Lục Văn B1, sinh năm 1996 (Vắng mặt)
Trú tại: Xóm Q, xã N, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên;
 14. Anh Hoàng Minh H6, sinh năm 1997 (Vắng mặt)
Trú tại: Tổ C, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên;
 15. Chị Hoàng Thị L2, sinh năm 1977 (Vắng mặt)
Trú tại: Xóm G, xã N, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên;
 16. Anh Hà Văn T7, sinh năm 1990 (Vắng mặt)

Trú tại: Xóm M, xã C, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên;
17. Anh Dương Nguyễn Trường G, sinh năm 1998 (Vắng mặt)
Trú tại: Xóm C, xã C, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên;
18. Nguyễn Tiến P, sinh năm 2002 (Vắng mặt)
Trú tại: Thôn N, xã N, huyện B, tỉnh Bắc Kạn
19. Anh Trần Anh T8, sinh năm 1996 (Vắng mặt)
Trú tại: Tổ I, phường C, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên;
20. Chị Phạm Thị Thúy H7, sinh năm 1977 (Vắng mặt)
Trú tại: Tổ B, phường H, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên;
21. Anh Trần Xuân T9, sinh năm 1988 (Vắng mặt)
Trú tại: Tổ dân phố G, phường H, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên;
22. Anh Nguyễn Trọng N1, sinh năm 1996 (Vắng mặt)
Trú tại: Xóm M, xã C, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên;
23. Chị Nguyễn Thị L3, sinh năm 2002 (Vắng mặt)
Trú tại: Tổ C, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên;
24. Anh Phạm Duy T10, sinh năm 1998 (Vắng mặt)
Trú tại: Xóm M, xã C, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên;
25. Anh Tống Việt H8, sinh năm 2000 (Có mặt)
Trú tại: Thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa;
26. Anh Nguyễn Tiến D1, sinh năm 1996 (Vắng mặt)
Trú tại: Xóm N, xã B, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên;
27. Nguyễn Văn T11, sinh năm 1977 (Vắng mặt)
Trú tại: Xóm M, xã C, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có nghề nghiệp ổn định, để có tiền chi tiêu cá nhân, Đoàn Anh T nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản bằng hình thức thông qua mạng xã hội Facebook, Y và T12, T thường xuyên giới thiệu bản thân có nhiều mối quan hệ để kiếm tiền trên mạng, qua đó mời người khác tham gia đầu tư kinh doanh chung từ việc thu mua kênh Youtube có nhiều lượt theo dõi, có bật quảng cáo kiếm tiền từ Công ty G2, sau đó bán cho người khác để hưởng tiền chênh lệch. Nếu ai đồng ý tham gia thì sẽ là người đầu tư tiền để thu mua kênh, còn T nhận vai trò tìm kiếm và mua bán kênh, tiền lợi nhuận sẽ phụ thuộc vào số tiền đầu tư. Để mọi người tin tưởng, T tự tạo lập tài khoản Facebook có tên “Hoàng Quốc T13” và “Tiến Tài”, đưa ra thông tin gian dối là có các tài khoản uy tín trên mạng xã hội thu gom được nhiều kênh Youtube, tài khoản G3 (tài khoản thanh toán của Công ty G2) chất lượng, các tài khoản này đã giao dịch với số tiền lớn thông qua T nhiều lần, T sẽ thu

mua lại các kênh Youtube, tài khoản Google AdSense của những người này. Khi có người đồng ý hợp tác làm ăn với T, T không sử dụng tài khoản Ngân hàng của mình mà nhờ người quen nhận tiền giúp, sau đó chuyển vào tài khoản MoMo đăng ký bằng số điện thoại 0968.721.456 của T hoặc nhờ những người này chuyển khoản cho người khác để thanh toán các chi tiêu cá nhân ăn chơi của T. Ngoài ra, để các bị hại thêm tin tưởng, T tạo lập các nhóm nói chuyện trên ứng dụng Messenger có 3 bên tham gia, trong đó T đóng vai 02 bên sử dụng hai tài khoản Facebook để nhắn tin. Từ thời điểm tạo lập nhóm, T thường xuyên đưa ra các thông tin gian dối về dự định và ý tưởng đầu tư, thường xuyên đăng ảnh các kênh Youtube chất lượng của người khác với giá thu mua rẻ để lấy lòng tin của người khác. Khi đã chiếm đoạt được tiền, để các bị hại tiếp tục tin tưởng đầu tư thu mua các kênh khác không phải trả lại tiền đã chiếm đoạt, T tạo lập các tài khoản Gmail tên bgiaodich87@gmail.com spnguyentu@gmail.com, cung cấp cho người đầu tư cùng T và giới thiệu là email của người trung gian mua bán kênh, việc đầu tư chưa nhận được lợi nhuận do lỗi của người trung gian, T nhiều lần sử dụng tài khoản email tên bgiaodich87@gmail.com và spnguyentu@gmail.com soạn thư nội dung lỗi giao dịch, lỗi xác thực tài khoản mua bán đến tài khoản Gmail chính chủ của T là doananhtugaming1997@gmail.com sau đó cho người nhận đầu tư cùng T xem nội dung thư, chỉ đến khi bị phát hiện, yêu cầu hoàn trả số tiền đã chiếm đoạt, Đoàn Anh T mới nhờ gia đình hoặc dùng tiền của người sau chuyển trả một phần số tiền chiếm đoạt cho những người trước.

Với phương thức, thủ đoạn như trên, Đoàn Anh T đã thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của 03 người, cụ thể như sau:

1. Chiếm đoạt tài sản của chị Dương Khánh L, sinh năm 1997, trú tại xóm M, xã C, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên:

Đoàn Anh T và chị Dương Khánh L là bạn học với nhau từ năm cấp 2. Do thấy T thường xuyên đăng hình ảnh làm công việc liên quan đến lĩnh vực Công nghệ thông tin trên mạng xã hội. Vào khoảng tháng 7/2021 khi L gặp T, L hỏi T là làm công việc gì thì T nói với L công việc mình đang làm là mua lại các kênh Youtube sau đó bán lại cho người khác kiếm lời, mỗi kênh bán được thường có lãi từ 10.000.000 đồng – 20.000.000 đồng, tin tưởng những thông tin mà T đưa ra là thật nên L xin đầu tư cùng, do đang cần tiền trả nợ và chi tiêu cá nhân, T đưa ra thông tin về số tiền L góp tiền để thu mua kênh Youtube và số tiền dự kiến mà L được hưởng lợi, mỗi lần chiếm đoạt tiền của L, T không nói rõ cho L thông tin cụ thể là mua kênh gì và L chỉ thực hiện việc chuyển tiền đến tài khoản do T cung cấp. Bằng thủ đoạn trên, trong thời gian từ ngày 16/7/2021 đến ngày 01/8/2021 T đã yêu cầu chị Dương Khánh L 09 lần chuyển tiền với tổng số tiền là 96.700.000 đồng. Sau khi phát hiện bị T lừa đảo chiếm đoạt tài sản, chị L yêu cầu T chuyển trả lại tiền nên T đã khắc phục cho Dương Khánh L được 44.000.000 đồng, số tiền còn lại 52.700.000 đồng T chưa trả cho chị L.

2. Chiếm đoạt tài sản của anh Nguyễn Huy H2, sinh năm 1991, trú tại tổ E, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên:

Do có mối quan hệ quen biết nên T và H2 thường đi chơi với nhau, thấy T có tiền ăn tiêu H2 hỏi T làm công việc gì, T nói công việc chính là thu mua kênh Youtube có nhiều lượt theo dõi, có bật quảng cáo kiếm tiền từ Công ty G2, sau đó bán cho người khác để hưởng tiền chênh lệch. Do đang có tiền nhàn rỗi để có thêm tiền chi tiêu H2 xin T đầu tư cùng. Khoảng cuối tháng 3/2022, T mời H2 tham gia, trong đó vai trò của H2 là đầu tư tiền cho toàn bộ việc kinh doanh, T tìm kiếm kênh và mua bán kênh, báo cáo kết quả thu chi tiền lợi nhuận từ việc mua bán Kênh. Ban đầu T đưa ra thông tin để anh H2 tin tưởng là mua 01 kênh Youtube tên “Bob T - N & Cartoons”, sau đó T đưa ra thông tin về việc mua nhiều kênh Youtube khác nhau để chiếm đoạt tiền của H2, T không nói rõ việc đầu tư mua kênh Youtube nào, quản lý như thế nào, bán lại cho ai, chỉ thông báo cho H2 về số tiền đầu tư và sẽ được hưởng lợi bao nhiêu. Bằng thủ đoạn trên, trong thời gian từ 15/4/2022 đến 02/6/2022 T đã 14 lần yêu cầu H2 chuyển tiền với tổng số tiền là 159.900.000đồng. Sau khi chiếm đoạt được tiền T đã sử dụng hết vào việc chi tiêu cá nhân, đến nay T chưa bồi thường cho anh H2.

3. Chiếm đoạt tài sản của anh Nguyễn Quốc T2, sinh năm 1998, trú tại thôn B, xã Đ, huyện T, tỉnh Hải Dương:

T và Nguyễn Quốc T2 có quan hệ bạn bè quen biết do chơi G1 cùng nhau, đã có lần T2 lên nhà T chơi, sau lần T đến dự đám cưới T2 tại Hải Dương, khi được T giới thiệu về việc mình đang làm công việc thu mua kênh Youtube có nhiều lượt theo dõi, có bật quảng cáo kiếm tiền từ Công ty G2 để bán cho người khác để hưởng tiền chênh lệch, khi được T2 đặt vấn đề xin đầu tư làm cùng, T giới thiệu T2 với nhiều tài khoản Facebook khác nhau gồm một người tên T13, tài khoản Facebook tên “Hoàng Quốc T13”; tài khoản Facebook tên là “Tiền Tài”; “Nguyễn T14”, T đưa ra thông tin với T2 những người này là người hợp tác làm ăn với T trong thời gian dài, chuyên cung cấp các kênh Youtube chất lượng tốt (nhiều lượt theo dõi, đăng ký, lượt xem các video) để T bán cho người khác hưởng tiền chênh lệch, các kênh của T13 cung cấp đều mang lại lợi nhuận cao. Thực tế, các tài khoản Facebook trên là tài khoản ảo do T tạo lập, quản lý và sử dụng để mời chào T2 tham gia đầu tư mua bán kênh, T2 chỉ có trách nhiệm giao tiền cho T để đầu tư sau đó hưởng lợi nhuận. Ngoài ra, T còn đưa ra thông tin với T2 về việc T2 được Youtube chi trả số tiền lớn khoảng hơn 18 tỷ đồng, T2 trúng thưởng ô tô biển số đẹp... sau đó giới thiệu Trung liên lạc với các địa chỉ email để nhận thưởng. Các địa chỉ email này đều do T tạo lập, quản lý và sử dụng để yêu cầu T2 đóng nhiều khoản tiền chi phí nhận thưởng, chi phí lấy biển... vào nhiều tài khoản Ngân hàng khác nhau do T cung cấp. Qua đó trong thời gian từ 01/11/2021 đến ngày 03/8/2022 đã yêu cầu Trung chuyển tiền đến tài khoản Ngân hàng của 83 người với tổng số lần chuyển là 185 lần, chiếm đoạt tổng số tiền là 1.596.830.000đồng. Biết mình bị T lừa đảo chiếm đoạt tài sản, sau nhiều lần T2 đòi tiền, T mới trả cho Nguyễn Quốc T2 với tổng số tiền 104.300.000đồng, số tiền còn lại 1.492.530.000đồng chưa trả cho anh T2.

Như vậy, tổng số tiền mà Đoàn Anh T chiếm đoạt của chị Dương Khánh L, anh Nguyễn Huy H2 và anh Nguyễn Quốc T2 là 1.853.430.000đồng. Sau khi chiếm đoạt

Đoàn Anh T đã dùng tiền chiếm đoạt được của người sau trả cho người trước và nhờ gia đình trả cho chị L, anh T2 với tổng số tiền 148.300.000đồng, số tiền hiện còn lại chưa trả là 1.705.130.000đồng.

Tại cơ quan điều tra Đoàn Anh T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như trên và khai rõ, trước, trong, sau khi thực hiện hành vi phạm tội T không nói cho những người T hướng dẫn những bị hại chuyển tiền đến tài khoản của những người T nhờ nhận tiền biết việc thực hiện hành vi phạm tội của T.

Vật chứng của vụ án gồm: 01 thẻ rút tiền ATM của ngân hàng V, số thẻ 9704151541848736, mang tên Nguyen Van T15; 01 thẻ rút tiền ATM của ngân hàng T16, số thẻ 9704231352029244, mang tên Tran Thi Ha M1; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax, màu đen, điện thoại đã qua sử dụng, số IMEI 359237633432252, số máy MG9P3LL/A, điện thoại lắp 01 sim, thời điểm tiếp nhận có lắp sim số thuê bao 0968.721.456.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Dương Khánh L yêu cầu T bồi thường số tiền 52.700.000đồng. Anh Nguyễn Huy H2 yêu cầu T bồi thường số tiền 159.900.000đồng. Anh Nguyễn Quốc T2 yêu cầu T bồi thường 1.492.530.000đồng.

Tại bản cáo trạng số 101/CT-VKS-P2 ngày 17/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã truy tố Đoàn Anh Tú về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nêu trên.

Tại phiên tòa bị hại Dương Khánh L yêu cầu T bồi thường số tiền 52.700.000 đồng; bị hại Nguyễn Huy H2 yêu cầu T bồi thường số tiền 159.900.000 đồng; bị hại Nguyễn Quốc T2 yêu cầu T bồi thường 1.492.530.000 đồng, ngoài ra các bị hại không yêu cầu gì khác. Về trách nhiệm hình sự các bị hại đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Trong lời luận tội tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên sau khi trình bày tóm tắt nội dung vụ án, đánh giá tính chất vụ án, mức độ hành vi phạm tội, xem xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, đã kết luận giữ nguyên cáo trạng truy tố về tội danh đối với bị cáo; từ đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s, khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo từ 14 đến 15 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Đoàn Anh T có trách nhiệm bồi thường cho chị Dương Khánh L 52.700.000 đồng; bồi thường cho anh Nguyễn Huy H2 159.900.000 đồng; bồi thường cho anh Nguyễn Quốc T2 1.492.530.000 đồng.

- Về vật chứng: Xử lý theo quy định của pháp luật

- Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không tranh luận với luận tội của Viện kiểm sát.

Quan điểm của luật sư bào chữa cho bị cáo: Nhất trí với tội danh, khung, khoản và điều luật áp dụng mà cáo trạng của VKS đã truy tố và kết luận. Bị cáo chưa có tiền án tiền sự, được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo, đã nhờ gia đình bồi thường được một phần khắc phục hậu quả cho bị hại được quy định tại điểm s, b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 2 lần trở lên tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo từ 13 đến 14 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Bị cáo có trách nhiệm bồi thường số tiền còn lại cho các bị hại. Về phần vật chứng xử lý theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nhất trí với luận cứ bào chữa của luật sư, không bổ sung gì.

Bị hại không tranh luận gì.

Kiểm sát viên đối đáp giữ nguyên quan điểm.

Lời nói sau cùng bị cáo xin được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, các quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh T, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều là hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng: Những người do bị cáo Đoàn Anh T nhờ nhận tiền từ tài khoản do các bị hại L, H2, Trung chuyển đến, sau khi nhận được tiền những người này đã chuyển cho T bằng ví điện tử hoặc rút tiền trả tiền mặt, hoặc T dùng để thanh toán tiền chi tiêu cá nhân, những người này không được hưởng lợi gì nên Hội đồng xét xử xác định tư cách tham gia tố tụng của những người này là người làm chứng trong vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Trần Thị Hà M là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt; những người làm chứng vắng mặt nhưng đã có đủ lời khai tại cơ quan điều tra và hoàn toàn phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Căn cứ vào Điều 292, 293 bộ luật tố tụng hình sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[3]. Về nội dung: Tại phiên tòa hôm nay bị cáo thừa nhận bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên truy tố đối với bị cáo là đúng không oan. Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của bị cáo là khách quan, phù hợp với lời khai của những người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy,

Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Lợi dụng sự phát triển của mạng Internet, thông qua mạng xã hội Facebook, Y, và T12, với phương thức, thủ đoạn mời tham gia đầu tư mua các kênh Youtube có nhiều lượt theo dõi, có bật quảng cáo kiếm tiền từ Công ty G2 sau đó bán lại để hưởng lợi nhuận. Trong khoảng thời gian từ ngày 16/7/2021 đến ngày 03/8/2022, Đoàn Anh T đã đưa ra những thông tin gian dối để chị Dương Khánh L (là bạn cùng xóm), anh Nguyễn Huy H2, anh Nguyễn Quốc T2 (là bạn) tin tưởng những thông tin mà T đưa ra là thật đã chuyển tiền cho T bằng hình thức chuyển khoản, T chiếm đoạt của chị Dương Khánh L với tổng số tiền là 96.700.000đồng; chiếm đoạt của anh Nguyễn Huy H2 tổng số tiền là 159.900.000đồng và chiếm đoạt của anh Nguyễn Quốc T2 với tổng số tiền là 1.596.830.000đồng. Tổng số tiền Đoàn Anh T chiếm đoạt của 03 người bị hại là: 1.853.430.000 đồng.

Với hành vi nêu trên, bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên truy tố bị cáo Đoàn Anh T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Nội dung điều 174 BLHS quy định:

1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

...4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân.

a. Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 500.000.000đồng trở lên.

[4]. Xét tính chất vụ án là đặc biệt nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây dư luận xấu trong nhân dân, gây mất trật tự trị an xã hội. Hành vi phạm tội của bị cáo phải xét xử nghiêm khắc, buộc bị cáo phải cách ly xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo, đồng thời răn đe, phòng chống tội phạm chung.

[5]. Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, đã bồi thường một phần cho bị hại L và T2 để khắc phục hậu quả nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[6]. Về hình phạt: Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, nhân thân cùng tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đã phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy cần xử phạt bị cáo mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Chị Dương Khánh L yêu cầu bị cáo bồi thường 52.700.000đồng; anh Nguyễn Huy H2 yêu cầu bị cáo bồi thường 159.900.000đồng; anh Nguyễn Quốc T2 yêu cầu bị cáo bồi thường 1.492.530.000đồng. Bị cáo nhất trí bồi thường cho chị L, anh H2 và anh T2.

Bà Đỗ Thị H không yêu cầu bị cáo hoàn lại số tiền bà đã trả cho chị L và anh T2 thay cho bị cáo.

[8]. Về vật chứng vụ án: Xử lý theo Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật hình sự, cụ thể:

- 01 thẻ rút tiền ATM của ngân hàng V, số thẻ 9704151541848736, mang tên Nguyen Van T15. Bị cáo khai nhận được không biết của ai nên tịch thu tiêu hủy.

- 01 thẻ rút tiền ATM của ngân hàng T16, số thẻ 9704231352029244, mang tên Tran Thi Ha M1. Bị cáo khai do bị cáo mượn của chị M1 nên trả lại cho chị M1 quản lý, sử dụng.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax, màu đen, điện thoại đã qua sử dụng, số IMEI 359237633432252, số máy MG9P3LL/A, điện thoại lắp 01 sim, thời điểm tiếp nhận có lắp sim số thuê bao 0968.721.456 là công cụ phạm tội, còn giá trị sử dụng cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

[9]. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

[10]. Trong vụ án này, các chủ tài khoản Ngân hàng được T nhờ chuyển qua tài khoản sau đó T chiếm đoạt. Tài liệu điều tra xác định những người này không biết nguồn gốc số tiền nhận giúp là do T phạm tội mà có và không được hưởng lợi gì từ việc nhận tiền và chuyển tiền hộ T nên không phạm tội.

[11]. Từ những phân tích nêu trên, xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về mức hình phạt đối với bị cáo là phù hợp được Hội đồng xét xử chấp nhận. Mức hình phạt mà luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 326 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Đoàn Anh T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

1. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt: Đoàn Anh T 15 (mười lăm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 11/10/2022.

Căn cứ vào Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự, tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

2. Trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 589; Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự:

+ Buộc bị cáo Đoàn Anh T có trách nhiệm bồi thường cho chị Dương Khánh L 52.700.000đ (năm mươi hai triệu, bảy trăm nghìn đồng);

+ Buộc bị cáo Đoàn Anh T có trách nhiệm bồi thường cho anh Nguyễn Huy H2 159.900.000đ (Một trăm năm mươi chín triệu, chín trăm nghìn đồng);

+ Buộc bị cáo Đoàn Anh T có trách nhiệm bồi thường cho anh Nguyễn Quốc T2 1.492.530.000đ (Một tỷ bốn trăm chín mươi hai triệu, năm trăm ba mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật nếu người phải thi hành án không thi hành khoản tiền nêu trên cho người được thi hành án, thì người phải thi hành án còn phải chịu trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 47 Bộ luật hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 thẻ rút tiền ATM của ngân hàng V, số thẻ 9704151541848736, mang tên Nguyen Van T15, thẻ đã qua sử dụng.

- Trả lại cho chị Trần Thị Hà M: 01 thẻ rút tiền ATM của ngân hàng T16, số thẻ 9704231352029244, mang tên Tran Thi Ha M1, thẻ đã qua sử dụng.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax, màu đen, điện thoại đã qua sử dụng, số IMEI 359237633432252, số máy MG9P3LL/A, điện thoại lắp 01 sim, thời điểm tiếp nhận có lắp sim số thuê bao 0968.721.456 (niêm phong trong 01 phong bì dán kín, có chữ ký xác nhận niêm phong của người tham gia, ký hiệu T1).

(Các vật chứng hiện đang có tại kho của Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên, theo biên bản về việc giao nhận vật chứng số 27 ngày 15/11/2023).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Bị cáo T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 63.153.900đ (Sáu mươi ba triệu, một trăm năm mươi ba nghìn, chín trăm đồng) án phí dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo, những người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Đỗ Thị H có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; chị Trần Thị Hà M vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Điều 26 Luật thi hành án Dân sự quy định: “Trường hợp bản án quyết định được thi hành án theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án Dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo

quy định tại các Điều 6, Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án Dân sự”./.

Nơi nhận:

- TANDTC; TANDCC;
- VKSNDCC, VKSND tỉnh TN;
- Công an tỉnh Thái Nguyên;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- Cục THADS tỉnh Thái Nguyên;
- Trại tạm giam CA tỉnh TN;
- Bị cáo; Bị hại;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Trần Thị Nhài